

PEC 58 12317

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: ..155.../SY-CKDL... KETR

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2018



Phạm Hữu Hằng



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Đăng Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Vượng	Thành viên	Từ ngày 21/04/2017
Ông Nguyễn Trung Phong	Thành viên	Đến ngày 21/04/2017
Ông Nguyễn Đức Bách	Thành viên	
Bà Phạm Thu Hằng	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Bách	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 07/05/2017

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Trọng Dũng	Trưởng Ban	
Ông Nguyễn Đức Ngọc	Thành viên	
Bà Trần Thị Thương Huyền	Thành viên	Đến ngày 07/05/2017
Ông Nguyễn Đăng Hội	Thành viên	Từ ngày 07/05/2017

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thu Hằng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Minh Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26/04/2018, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Nghị quyết 99/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, số cổ phần tăng thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu tương đương 6% số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Vốn điều lệ trước khi thay đổi là 29.391.520.000 đồng, sau khi thay đổi là 31.154.090.000 đồng (tăng thêm 1.762.570.000 đồng). Ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phiếu tương ứng bổ sung là 05/12/2017 theo thông báo 1564/TB-SGDHN ngày 28/11/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với nội dung điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Nguyễn Thị Thu Hà".

Nguyễn Thị Thu Hà

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		200.689.290.229	258.048.043.340
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.147.973.374	20.036.354.157
Tiền	111		2.147.973.374	20.036.354.157
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.130.069.792
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.130.069.792
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.540.034.302	136.821.486.388
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	91.469.356.331	118.842.433.401
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.415.141.989	23.186.183.869
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	738.612.734	1.255.219.507
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(11.083.076.752)	(6.462.350.389)
Hàng tồn kho	140	8	98.976.575.451	95.060.133.003
Hàng tồn kho	141		98.976.575.451	95.060.133.003
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.707.102	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.640.349	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	21.066.753	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.098.954.153	78.758.177.352
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.093.484.301	251.972.519
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	6.093.484.301	-
Phải thu dài hạn khác	216	7	-	251.972.519
Tài sản cố định	220		35.029.911.813	46.719.785.767
Tài sản cố định hữu hình	221	9	22.128.145.050	24.629.092.136
- Nguyên giá	222		71.584.311.107	65.946.913.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.456.166.057)	(41.317.821.557)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	-	3.235.569.975
- Nguyên giá	225		-	6.262.393.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.026.823.525)
Tài sản cố định vô hình	227	11	12.901.766.763	18.855.123.656
- Nguyên giá	228		14.225.742.000	20.225.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.323.975.237)	(1.370.618.344)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.109.646.100
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.109.646.100
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	58.583.126.189	25.090.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	22.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.149.520.000	40.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	2.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.433.606.189	-
Tài sản dài hạn khác	260		392.431.850	586.772.966
Chi phí trả trước dài hạn	261		392.431.850	586.772.966
TỔNG TÀI SẢN	270		300.788.244.381	336.806.220.692

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		237.504.851.638	274.409.756.705
Nợ ngắn hạn	310		200.579.765.484	257.260.174.640
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	41.101.001.528	56.182.162.016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.328.785.407	49.262.702.165
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.679.630.504	2.910.191.857
Phải trả người lao động	314		1.580.832.844	2.961.887.380
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	438.618.801	334.564.871
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.474.149.683	2.546.449.548
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	143.766.967.265	139.816.246.377
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.209.779.452	3.245.970.426
Nợ dài hạn	330		36.925.086.154	17.149.582.065
Phải trả người bán dài hạn	331		13.246.590.399	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		12.050.495.755	12.050.495.755
Phải trả dài hạn khác	337	16	-	4.148.720.060
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	11.628.000.000	950.366.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.283.392.743	62.396.463.987
Vốn chủ sở hữu	410	18	63.283.392.743	62.396.463.987
Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.154.090.000	29.391.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.154.090.000	29.391.520.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.036.263.497	8.036.263.497
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.976.229.844	19.738.799.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.116.809.402	5.229.880.646
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.229.880.646	3.928.404.352
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		886.928.756	1.301.476.294
TỔNG NGUỒN VỐN	440		300.788.244.381	336.806.220.692



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Hà Thanh Thủy
Người lập

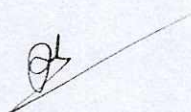
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	229.619.564.681	206.143.447.434
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		229.619.564.681	206.143.447.434
Giá vốn hàng bán	11	21	208.787.935.393	188.841.524.830
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.831.629.288	17.301.922.604
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.315.898.884	575.839.932
Chi phí tài chính	22	23	12.563.520.143	10.990.200.888
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.355.613.624</i>	<i>10.655.852.614</i>
Chi phí bán hàng	25	24	800.956.909	1.580.267.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	15.909.899.523	2.901.616.449
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.126.848.403)	2.405.677.799
Thu nhập khác	31	27	9.162.706.137	6.731.864
Chi phí khác	32	28	736.638.161	469.438.209
Lợi nhuận khác	40		8.426.067.976	(462.706.345)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.299.219.573	1.942.971.454
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	412.290.817	641.495.160
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		886.928.756	1.301.476.294



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018


Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng


Hà Thanh Thủy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.299.219.573	1.942.971.454
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.511.502.225	6.355.394.630
Các khoản dự phòng	03	4.620.726.363	(10.127.248.914)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.609	(71.859)
Lãi hoạt động đầu tư	05	(10.474.409.778)	(575.768.073)
Chi phí lãi vay	06	12.355.613.624	10.655.852.614
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.312.662.616	8.251.129.852
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.756.406.102	17.214.117.864
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.136.619.395)	(9.236.845.560)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(64.107.568.844)	(11.527.634.930)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	190.700.767	(429.576.983)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.275.559.694)	(10.877.411.576)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(108.560.052)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(31.800.000)	(40.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.400.338.500)	(6.646.721.333)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(687.515.326)	(80.406.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.717.025.440	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.800.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.054.103.574	403.749.180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.883.613.688	(5.696.656.820)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	222.321.294.572	179.936.475.650
Tiền trả nợ gốc vay	34	(206.742.573.684)	(149.812.349.389)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(950.366.250)	(1.668.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(920.473.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.628.354.638	27.535.652.761
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.888.370.174)	15.192.274.608
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.036.354.157	4.844.007.690
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.609)	71.859
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.147.973.374	20.036.354.157

Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Hà Thanh Thủy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Nhà máy Cơ khí Yên Viên thuộc Công ty Sản xuất Thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007120 ngày 30/03/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 25/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.

Số nhân viên của Công ty tại 31/12/2017 là: 188 (người), tại 31/12/2016 là 193 (người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh; và
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

1.5 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	Đường TS10, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực (*)	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	51%	51%

(*) Công ty thay đổi tên trong năm 2017, trước đây là TNHH Xây lắp và Hạ tầng Kỹ thuật. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực đã thoái vốn trong năm 2017, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 25%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định, và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

3.6 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 THUÊ TÀI SẢN(TIẾP)

Các tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.8 GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trên Báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty con được thực hiện theo tiên độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty con nhận khoản đầu tư.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

Đối với các khoản chi phí chờ phân bổ, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.

Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ là 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh cũng như chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính (được khách hàng chấp nhận nếu quy định điều khoản này trong hợp đồng xây dựng) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xây dựng đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn cung cấp dịch vụ và khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm giá vốn hàng bán.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Trong năm, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Tỷ giá sử dụng để quy đổi doanh thu, thu nhập và các khoản phải thu là tỷ giá mua vào tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh; tỷ giá sử dụng để quy đổi chi phí và các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tiền mặt, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm Công ty Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện, Công Cổ phần Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật (trước đây là Công TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật), Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	24.795.500	409.664.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.123.177.874	19.626.689.257
	2.147.973.374	20.036.354.157

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	91.469.356.331	118.842.433.401
- Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	2.241.964.744	6.643.674.000
- Ban QLDA Thủy điện 1	719.752.338	14.818.626.218
- Ban Quản lý Dự án 3	6.372.004.180	8.572.004.180
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	10.437.529.475	13.473.187.656
- Công ty Cổ phần Điện Vietracimex Lào Cai	1.274.300.745	4.274.300.745
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hưng Hải	5.795.846.483	7.295.846.483
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	13.416.852.773	11.609.891.042
- Doanh nghiệp Tư nhân Kim Chất	2.127.384.920	5.356.399.368
- Công ty CP Xây dựng và thương mại 299	11.419.336.350	-
- Công ty CP Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị Minh Quang	5.641.551.752	1.143.429.284
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.022.832.571	45.655.074.425
Phải thu của khách hàng dài hạn	6.093.484.301	-
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299	1.340.518.050	-
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bến Tre	1.151.717.000	-
- Công ty TNHH Hà Thành	1.528.034.251	-
- Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Lai Châu	2.073.215.000	-
	97.562.840.631	118.842.433.401
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.688.588.677	11.609.891.042
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	13.416.852.773	11.609.891.042
- Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	271.735.904	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	18.618.153.767	7.535.077.015	10.242.474.679	3.780.124.290
- Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Tú	1.376.878.000	688.439.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	22.763.052	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	3.050.000.000	-	3.050.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại TERRA WOOD Việt Nam	272.760.400	-	322.760.400	50.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	2.140.175.318	1.309.818.056	3.170.972.163	2.343.350.166
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Sông Lam	-	-	2.322.197.530	1.386.774.124
- Công ty Cổ phần Sông Đà 702	-	-	58.497.064	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9.1	45.343.232	-	45.343.232	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	181.189.485	-	181.189.485	-
- Công ty Nam Điện Phúc Kiến - Văn phòng đại diện tại Việt Nam	300.000.000	-	300.000.000	-
- Công ty TNHH Nhiên liệu sạch	87.557.500	-	87.557.500	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp DIC	408.639.778	-	408.639.778	-
- EHWA Industrial Co.,LTD	295.317.527	-	295.317.527	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	10.437.529.475	5.536.819.959	-	-
	18.618.153.767	7.535.077.015	10.242.474.679	3.780.124.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	738.612.734	-	1.255.219.507	-
- Lãi dự thu	42.099.006	-	41.935.684	-
- Tạm ứng	565.113.710	-	1.036.669.023	-
- Phải thu khác	131.400.018	-	176.614.800	-
Dài hạn	-	-	251.972.519	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	251.972.519	-
	738.612.734	-	1.507.192.026	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	35.509.554.193	-	27.739.867.224	-
- Công cụ, dụng cụ	200.807.179	-	109.145.287	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.224.958.871	-	37.127.616.283	-
- Thành phẩm	24.041.255.208	-	25.168.839.962	-
- Hàng hóa	-	-	4.914.664.247	-
	98.976.575.451	-	95.060.133.003	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	32.879.960.282	26.549.894.993	6.116.353.461	400.704.957	65.946.913.693
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	6.269.893.500	-	-	6.269.893.500
- Mua mới trong năm	244.472.726	321.422.600	48.000.000	66.200.000	680.095.326
- Thanh lý, nhượng bán	(287.184.680)	(1.025.406.732)	-	-	(1.312.591.412)
31/12/2017	32.837.248.328	32.115.804.361	6.164.353.461	466.904.957	71.584.311.107
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	(15.820.013.759)	(19.006.809.959)	(6.090.292.882)	(400.704.957)	(41.317.821.557)
- Khấu hao trong năm	(2.897.325.919)	(2.523.399.069)	(31.660.579)	(13.240.002)	(5.465.625.569)
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	(3.653.062.875)	-	-	(3.653.062.875)
- Thanh lý, nhượng bán	284.200.000	696.143.944	-	-	980.343.944
31/12/2017	(18.433.139.678)	(24.487.127.959)	(6.121.953.461)	(413.944.959)	(49.456.166.057)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	17.059.946.523	7.543.085.034	26.060.579	-	24.629.092.136
31/12/2017	14.404.108.650	7.628.676.402	42.400.000	52.959.998	22.128.145.050

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.317.929.744 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2017	6.262.393.500	6.262.393.500
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(6.262.393.500)	(6.262.393.500)
31/12/2017	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2017	(3.026.823.525)	(3.026.823.525)
- Khấu hao trong năm	(626.239.350)	(626.239.350)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	3.653.062.875	3.653.062.875
31/12/2017	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2017	3.235.569.975	3.235.569.975
31/12/2017	-	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2017	20.000.000.000	225.742.000	20.225.742.000
- Góp vốn liên doanh, liên kết	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
31/12/2017	14.000.000.000	225.742.000	14.225.742.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2017	(1.144.876.344)	(225.742.000)	(1.370.618.344)
- Khấu hao trong năm	(424.028.280)	-	(424.028.280)
- Góp vốn liên doanh, liên kết	470.671.387	-	470.671.387
31/12/2017	(1.098.233.237)	(225.742.000)	(1.323.975.237)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2017	18.855.123.656	-	18.855.123.656
31/12/2017	12.901.766.763	-	12.901.766.763

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 225.742.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017		01/01/2017			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	20.000.000.000	-	22.550.000.000	22.550.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	-	-	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	32.149.520.000	32.149.520.000	-	40.000.000	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	1.250.000.000	1.250.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (*)	30.899.520.000	30.899.520.000	-	40.000.000	40.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.433.606.189	6.433.606.189	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	6.433.606.189	6.433.606.189	-	-	-	-
	58.583.126.189	58.583.126.189	-	25.090.000.000	25.090.000.000	-

(*) Công ty Liên doanh được thành lập theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty với Công ty Furukawa Electric Power System (FEPS), theo đó tỷ lệ vốn góp cam kết của Công ty trong Công ty Liên doanh sẽ là 36% (tương đương 1,44 triệu USD). Đến ngày 31/12/2017, Công ty đã góp đủ số vốn vào Công ty Liên doanh là 30.899.520.000 đồng, bao gồm giá trị vốn góp bằng tiền và tài sản gắn liền với đất là “Nhà máy chế tạo phụ kiện đường dây đến 500kV” tại Cụm Công nghiệp xã Vĩnh Hồng – huyện Bình Giang – tỉnh Hải Dương.

(**) Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay số 01/2017/HĐHM/VCBHN-PEC ngày 19/05/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị gốc khoản tiền gửi ban đầu là 6.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	41.101.001.528	41.101.001.528	56.182.162.016	56.182.162.016
- Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp INTEC	-	-	7.013.505.796	7.013.505.796
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện I	-	-	3.874.995.925	3.874.995.925
- Công ty Cổ phần Kinh doanh thép hình	5.064.986.798	5.064.986.798	3.602.998.515	3.602.998.515
- Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam	6.504.411.791	6.504.411.791	8.423.139.511	8.423.139.511
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp và Cầu trục Trung Nguyên	2.479.726.795	2.479.726.795	2.752.765.000	2.752.765.000
- Công ty TNHH Thương mại Dương Tiến	-	-	2.000.515.000	2.000.515.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	-	-	338.044.277	338.044.277
- Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp	3.342.718.154	3.342.718.154	3.792.718.154	3.792.718.154
- Các đối tượng khác	23.709.157.990	23.709.157.990	24.383.479.838	24.383.479.838
Các khoản phải trả người bán dài hạn	13.246.590.399	13.246.590.399	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp INTEC	7.405.922.019	7.405.922.019	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	4.405.403.426	4.405.403.426	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện I	1.435.264.954	1.435.264.954	-	-
	54.347.591.927	54.347.591.927	56.182.162.016	56.182.162.016
Phải trả người bán là các bên liên quan	60.094.100	60.094.100	338.044.277	338.044.277
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	-	-	338.044.277	338.044.277
- Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	60.094.100	60.094.100	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.351.910.621	23.655.761.881	21.779.315.776	3.228.356.726
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	591.890.437	412.290.817	108.560.052	895.621.202
- Thuế thu nhập cá nhân	108.821.120	141.706.825	84.900.168	165.627.777
- Thuế tài nguyên	609.570	1.254.240	898.560	965.250
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	763.306.964	827.139.265	1.295.039.825	295.406.404
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.653.145	2.994.700	2.994.700	93.653.145
	2.910.191.857	25.044.147.728	23.274.709.081	4.679.630.504
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	01/01/2017	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/ bù trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
	-	21.066.753	-	21.066.753
	-	21.066.753	-	21.066.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	438.618.801	334.564.871
- Chi phí lãi vay	414.618.801	334.564.871
- Chi phí tư vấn pháp lý	24.000.000	-
	<u>438.618.801</u>	<u>334.564.871</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.474.149.683	2.546.449.548
- Kinh phí công đoàn	784.056.309	759.017.408
- Bảo hiểm xã hội	803.782.114	221.681.793
- Bảo hiểm y tế	363.439.978	305.697.534
- Bảo hiểm thất nghiệp	623.113.488	597.942.723
- Phải trả khác	899.757.794	662.110.090
Dài hạn	-	4.148.720.060
- Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	4.148.720.060
	<u>3.474.149.683</u>	<u>6.695.169.608</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	143.766.967.265	143.766.967.265	209.721.294.572	139.816.246.377
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (*)	98.510.980.360	98.510.980.360	130.698.839.808	94.675.141.533
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (**)	41.135.986.905	41.135.986.905	68.522.454.764	41.834.608.344
- Vay cá nhân	4.120.000.000	4.120.000.000	10.500.000.000	3.306.496.500
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.628.000.000	11.628.000.000	1.922.366.250	950.366.250
- Vay cá nhân	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (*)	9.028.000.000	9.028.000.000	10.000.000.000	972.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	950.366.250	950.366.250
Tổng cộng	155.394.967.265	155.394.967.265	222.321.294.572	140.766.612.627

(*) Số dư tại 31/12/2017 bao gồm:

- Hợp đồng vay số 01/2017-HĐTDHM 01/NHCT128-PEC ngày 16/02/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Hợp đồng này được đảm bảo bởi các tài sản theo các hợp đồng tài sản thế chấp tại sân, quyền đòi nợ (thực hiện giao dịch mua bán qua ngân hàng).
- Hợp đồng vay số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT128-COKHDIENLUC ngày 28/06/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; thời hạn vay theo giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 60 tháng. Mục đích vay dùng để góp vốn vào Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo phụ kiện đường dây 500kV. Hợp đồng này được đảm bảo bởi tài sản gắn liền với đất tại xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (trương ứng với 35.066 m2 đất), tổng giá trị tài sản đảm bảo là 21.692.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(**) Hợp đồng vay số 01/2017/HĐHM/VCBHN-PEC ngày 19/05/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, hạn mức cho vay 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 11 tháng. Tài sản đảm bảo là các giá trị các hợp đồng đồng tiền gửi có kỳ hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 6.000.000.000 đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	27.215.330.000	8.036.263.497	21.914.989.844	62.015.461.193						
- Tăng vốn trong năm	2.176.190.000	-	(2.176.190.000)	-						
- Lãi trong năm	-	-	-	-						
- Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-						
31/12/2017	29.391.520.000	8.036.263.497	19.738.799.844	62.396.463.987						
01/01/2017	29.391.520.000	8.036.263.497	19.738.799.844	62.396.463.987						
- Tăng vốn trong năm (*)	1.762.570.000	-	(1.762.570.000)	-						
- Lãi trong năm	-	-	-	-						
31/12/2017	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	63.283.392.743						

(*) Theo Nghị quyết 99/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, số cổ phần tăng thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu tương đương 6% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Lê Minh Hải	7.758.140.000	24,90%	7.319.000.000	24,90%
Ông Nguyễn Trung Phong	6.227.710.000	19,99%	5.875.200.000	19,99%
Cổ đông khác	17.168.240.000	55,11%	16.197.320.000	55,11%
	31.154.090.000	100,00%	29.391.520.000	100,00%

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.391.520.000	27.215.330.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.762.570.000	2.176.190.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	31.154.090.000	29.391.520.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	920.473.500

Vốn điều lệ trước khi thay đổi là 29.391.520.000 đồng, sau khi thay đổi là 31.154.090.000 đồng (tăng thêm 1.762.570.000 đồng). Ngày giao dịch đầu tiên của sổ cổ phiếu tương ứng bổ sung là 05/12/2017 theo thông báo 1564/TB-SGDHN ngày 28/11/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với nội dung điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.115.409	2.939.152
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.115.409	2.939.152
+ Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	2.939.152
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.115.409	2.939.152
+ Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	2.939.152
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại USD	265,23	275,23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.797.991.688	41.701.063.534
Doanh thu bán hàng thành phẩm	158.651.927.955	136.704.999.347
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	26.169.645.038	27.737.384.553
	229.619.564.681	206.143.447.434
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	1.058.116.780	11.989.278
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	1.642.692.483	7.097.534.435
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	10.260.864.254	8.360.006.938

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	43.743.256.785	36.683.795.294
Giá vốn bán hàng thành phẩm	139.000.817.076	124.967.799.012
Giá vốn hàng hóa, vật tư	26.043.861.532	27.189.930.524
	208.787.935.393	188.841.524.830

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	315.898.884	200.768.073
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	375.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh lại số dư cuối năm tài chính	-	71.859
Doanh thu hoạt động tài chính từ bán cổ phiếu	1.000.000.000	-
	1.315.898.884	575.839.932

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	12.355.613.624	10.655.852.614
Lãi chậm trả	207.895.910	253.173.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	81.174.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.609	-
	12.563.520.143	10.990.200.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	710.000	3.185.000
Chi phí hoa hồng môi giới	673.707.000	1.395.507.000
Chi phí vận chuyển	126.539.909	161.575.400
Chi phí bằng tiền khác	-	20.000.000
	800.956.909	1.580.267.400

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.526.218.385	8.409.733.042
Chi phí vật liệu	21.695.479	96.079.765
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	108.550.831	134.617.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.417.596	103.703.131
Thuế, phí và lệ phí	59.908.764	95.761.523
Chi phí dự phòng	4.620.726.363	(10.127.248.914)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.851.699	1.938.159.587
Chi phí bằng tiền khác	4.003.530.406	2.250.810.917
	15.909.899.523	2.901.616.449

26. CHI PHÍ SẢN KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	101.560.183.586	124.189.911.189
Chi phí nhân công	16.111.891.461	21.011.291.239
Chi phí môi giới	673.707.000	1.395.507.000
Khấu hao tài sản cố định	6.023.409.516	6.355.394.630
Thuế, phí và lệ phí	59.908.764	95.761.523
Chi phí dự phòng	4.620.726.363	(10.127.248.914)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.447.170.415	20.780.968.327
Chi phí bằng tiền khác	8.773.024.491	5.789.726.674
	164.270.021.596	169.491.311.668

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu từ thanh lý, nhượng bán	2.387.762.652	-
Các khoản khác	6.774.943.485	6.731.864
	9.162.706.137	6.731.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán	-	35.309.295
Tiền chi chậm nộp phạt, vi phạm hành chính	732.879.631	434.104.733
Chi phí khác	3.758.530	24.181
	736.638.161	469.438.209

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.299.219.573	1.942.971.454
Các khoản chi phí không được khấu trừ	762.234.511	434.104.733
- Các khoản chi phí (phạt)	733.623.902	434.104.733
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.609	-
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	28.600.000	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(375.071.859)
- Thu nhập từ cổ tức	-	(375.000.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(71.859)
Trừ các khoản chi phí đã tính thuế năm trước	-	(1.041.733.615)
- Chi phí thuế đất	-	(1.041.733.615)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.061.454.084	960.270.713
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	412.290.817	192.054.143
Chi phí thuế TNDN truy thu năm 2015	-	220.259.622
Chi phí thuế TNDN truy thu năm 2014	-	229.181.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành	412.290.817	641.495.160

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.147.973.374	20.036.354.157
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	6.130.069.792
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.653.262.903	112.850.606.015
Đầu tư dài hạn	6.433.606.189	2.500.000.000
Cộng	95.234.842.466	141.517.029.964
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	155.394.967.265	140.766.612.627
Phải trả người bán và phải trả khác	55.247.349.721	60.992.992.166
Chi phí phải trả	438.618.801	334.564.871
Cộng	211.080.935.787	202.094.169.664
Trạng thái ròng	(115.846.093.321)	(60.577.139.700)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD), do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có phát sinh một số khoản công nợ tồn đọng. Đối với các khoản công nợ tồn đọng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ trên cơ sở thận trọng theo các quy định hiện hành có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ	143.766.967.265	11.628.000.000	155.394.967.265
Phải trả người bán và phải trả khác	42.000.759.322	13.246.590.399	55.247.349.721
Chi phí phải trả	438.618.801	-	438.618.801
Cộng	186.206.345.388	24.874.590.399	211.080.935.787
01/01/2017			
Vay và nợ	139.816.246.377	950.366.250	140.766.612.627
Phải trả người bán và phải trả khác	56.844.272.106	4.148.720.060	60.992.992.166
Chi phí phải trả	334.564.871	-	334.564.871
Cộng	196.995.083.354	5.099.086.310	202.094.169.664

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang nỗ lực để tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.147.973.374	-	2.147.973.374
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.559.778.602	6.093.484.301	86.653.262.903
Đầu tư dài hạn	-	6.433.606.189	6.433.606.189
Cộng	82.707.751.976	12.527.090.490	95.234.842.466
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.036.354.157	-	20.036.354.157
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.130.069.792	-	6.130.069.792
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.598.633.496	251.972.519	112.850.606.015
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	138.765.057.445	2.751.972.519	141.517.029.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	Công ty con 100% vốn Công ty con thoái vốn trong năm thành Công ty liên kết
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Công ty liên kết Quản lý chủ chốt

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	1.642.692.483	7.097.534.435
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	1.058.116.780	11.989.278
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	10.260.864.254	8.360.006.938
Mua hàng hóa, dịch vụ bên có liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	19.083.727.201	16.811.737.699
+ Mua hàng hóa dịch vụ	19.083.727.201	13.017.729.699
+ Mua Tài sản cố định, CCDC	-	3.794.008.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	18.680.683.383	2.085.339.978
+ Mua hàng hóa dịch vụ	18.680.683.383	1.960.339.978
+ Mua Tài sản cố định	-	125.000.000
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	202.976.200	-
+ Mua hàng hóa dịch vụ	202.976.200	-

SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	13.416.852.773	11.609.891.042
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	271.735.904	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	-	2.909.257.664
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	9.466.440.002	12.165.520.814
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện lực	-	338.044.277
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	60.094.100	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, THỦ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT


	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.277.333.475	956.167.956


33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần cơ khí Điện lực đã được kiểm toán.



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018


Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng


Hà Thanh Thủy
Người lập